

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST
Ngày 29/4/2022
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;

2. Ông Lê Văn Lại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp - Là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ 15, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. “có mặt”

Bị đơn: Anh Đỗ Minh T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 9, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày: Vào khoảng năm 2015, chị và anh Đỗ Minh T có quen biết và có tình cảm với nhau. Trước khi quen anh T, chị có dành dụm được số tiền 70.000.000 đồng, dự định dùng để xây nhà cho mẹ, nhưng anh T làm ăn thua lỗ, bị thiếu hụt vốn nên có mượn tiền của chị nhiều lần với tổng số tiền là 65.000.000 đồng. Việc vay mượn không làm giấy biên nhận. Đến năm 2016, chị

và anh T chia tay nhau. Anh T hứa sẽ trả lại tiền cho chị nhưng từ đó đến nay không trả. Đến năm 2017, chị có gọi điện yêu cầu anh T trả tiền theo thỏa thuận thì anh T hứa trong năm sau (tức năm 2018) anh T sẽ trả cho chị làm 03 lần, mỗi lần anh T sẽ trả số tiền là 20.000.000 đồng. Cuộc nói chuyện này đã được chị ghi âm lại và nộp cho Tòa. Năm 2018, chị có đến nhà anh T để yêu cầu trả tiền thì anh T và vợ anh T hứa sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng cũng không thực hiện. Nay, chị khởi kiện yêu cầu anh Đỗ Minh T trả số tiền 60.000.000 đồng. Chị không yêu cầu anh T phải trả tiền lãi suất.

Bị đơn, Đỗ Minh T trình bày: Vào khoảng năm 2015, anh và chị N có chung sống với nhau như vợ chồng. Trong thời gian này, hai anh chị làm ăn chung nên chị N có đưa cho anh một số tiền để làm ăn kinh doanh (nhưng không nhớ là bao nhiêu). Tuy nhiên, việc làm ăn bị thua lỗ. Sau đó, anh và chị N chia tay. Nay chị N cho rằng có cho anh vay số tiền 60.000.000 đồng là không đúng, đây là tiền làm ăn. Anh thừa nhận giọng nói của người đàn ông trong đoạn ghi âm do chị N giao nộp cho Tòa là giọng nói của anh. Trong đoạn ghi âm này, anh có hứa sẽ trả cho chị N 03 lần mỗi lần 20.000.000 đồng, tuy nhiên đây chỉ là lời nói đùa của anh với chị N. Nay anh chỉ đồng ý hỗ trợ cho chị N số tiền là 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án buộc anh T trả số tiền 60.000.000 đồng.

Anh T cho rằng không vay tiền của chị N. Việc chị N giao tiền cho anh để làm ăn. Khi hòa giải anh đồng ý hỗ trợ chị N số tiền 30.000.000 đồng, nhưng hai bên không thỏa thuận được nên tại phiên tòa hôm nay anh không đồng ý trả tiền cho chị Ngọc.

Đại diện VKSND huyện C phát biểu: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm giải quyết vụ án thấy rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của chị Lê Thị N, buộc anh Đỗ Minh T trả cho chị N số tiền 60.000.000 đồng và buộc anh Tâm chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền 60.000.000 đồng, theo chị N thì đây là số tiền chị cho anh T vay vào năm 2015. Anh T thừa có nhận của chị N một số tiền nhưng cho rằng không phải tiền vay mà tiền chị N đưa anh để làm ăn kinh doanh nên đây là tranh chấp đòi tài sản.

[2] Chị N khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền 60.000.000 đồng. Chứng cứ chị N giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là đoạn ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa chị và anh T. Theo nội dung đoạn ghi âm này thì anh T thừa nhận có nợ chị N một số tiền và đồng ý trả cho chị N làm 03 lần, mỗi lần trả số tiền là 20.000.000 đồng. Về phía anh T cho rằng, anh và chị N có làm ăn chung và chị N có đưa cho anh một số tiền để kinh doanh, tuy nhiên việc kinh doanh bị thua lỗ, còn về nội dung đoạn ghi âm, anh cho rằng đây chỉ là lời nói đùa của anh với chị N. Tuy nhiên, anh T không có chứng cứ để chứng minh, do đó việc chị N khởi kiện yêu cầu anh T trả lại số tiền 60.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N được Tòa án chấp nhận nên anh T phải chịu 3.000.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N. Buộc anh Đỗ Minh T có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị N số tiền 60.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Đỗ Minh T phải chịu 3.000.000 đồng (bằng chữ: Ba triệu đồng).

Chị Lê Thị N được nhận lại 1.500.000 đồng (bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017140 ngày 21 tháng 2 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương